

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**                      **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH BÌNH THUẬN**

Số: 06/2022/QĐST-VHNGĐ

Phan Thiết, ngày 16 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH**  
**V/v Yêu cầu xác định cha cho con**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Đỗ Thị Yến Linh

*Thư ký phiên họp:* Bà Trần Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố phan thiết tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc HNGĐ thụ lý số 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “Yêu cầu xác định cha cho con” theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình số 06/2022/QĐPH-ST ngày 10 tháng 6 năm 2022, gồm những người tham gia phiên họp sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:**

**Ông Nguyễn Tuấn Đ - sinh năm 1973**

Nơi cư trú: Khu phố 07, phường Đ L, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà Cao Thị Vĩnh N - sinh năm: 1975

Ông Trần Cao Tuấn A – sinh năm: 1998

Cùng nơi cư trú: Khu phố 07, phường Đ L, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ VIỆC:**

Theo Đơn yêu cầu, bản tự khai và tại phiên họp người yêu cầu ông Nguyễn Tuấn Đ trình bày:

Ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Cao Thị Vĩnh N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng do không am hiểu pháp luật nên năm 2007 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ L, thành phố Phan Thiết theo giấy chứng nhận kết hôn số 82/2007; Quyền số 01 ngày 06/6/2007. Trong quá trình chung sống từ năm 1997 đến năm 1998 thì sinh con Trần Cao Tuấn A, sinh ngày 12/11/1998. Khi sinh cháu Trần Cao Tuấn A thì giữa ông Đ và bà N xảy ra mâu thuẫn, ông Đ về Hà Nội sinh sống và bà N tự ý đặt tên cho con chung của hai người là Trần Cao Tuấn A và cha là Trần Tiến T – sinh năm 1972 mà tôi không hề hay biết. Đến năm 2004, ông Đ vào lại Bình Thuận và sinh sống cùng bà N và biết tên của con nhưng do kinh tế khó khăn nên ông Đ không có điều kiện để xin

xác định cho con. Ngày 18/5/2022 ông Đ đã làm xét nghiệm AND và cho kết quả như sau: Nguyễn Tuấn Đ có quan hệ huyết thống bố - con với Trần Cao Tuấn A, độ tin cậy >99,9999%

Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Trần Cao Tuấn A sau này, ông yêu cầu Tòa án xác định ông Nguyễn Tuấn Đ là cha ruột của cháu Trần Cao Tuấn A để ông Đ làm các thủ tục pháp lý khác.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Vĩnh N và Trần Cao Tuấn A trình bày:

Bà Cao Thị Vĩnh N: Tôi và ông Đ tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng đến năm 2007 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ Long, thành phố Phan Thiết theo giấy chứng nhận kết hôn số 82/2007; Quyền số 01 ngày 06/6/2007. Trong quá trình chung sống đến năm 1998 thì sinh cháu A, sinh ngày 12/11/1998. Khi sinh cháu A thì ông Đ đi làm ăn xa nên tôi tự ý đặt tên cho con là Trần Cao Tuấn A và cha là Trần Tiến T – sinh năm 1972. Đến năm 2004, ông Đ vào lại Bình Thuận và sinh sống cùng tôi cho đến nay. Ngày 18/5/2022 ông Đ đã làm xét nghiệm AND và cho kết quả như sau: Nguyễn Tuấn Đ có quan hệ huyết thống bố - con với Trần Cao Tuấn A, độ tin cậy >99,9999%. Như vậy, tôi yêu cầu Tòa án xác định ông Nguyễn Tuấn Đ là cha ruột của cháu Trần Cao Tuấn A để ông Đ làm các thủ tục pháp lý khác.

Ông Trần Cao Tuấn A trình bày: Khi tôi còn nhỏ đã được cha tôi chở đi học và nuôi nấng tôi nhưng đến khi tôi hỏi mẹ tôi là bà Cao Thị Vĩnh N rằng tại sao tôi họ Trần mà cha tôi họ Nguyễn thì mẹ tôi có giải thích do cha tôi đi làm ăn xa và mẹ tôi tự sinh tôi và tự đi làm giấy khai sinh cho tôi. Tôi có mong muốn cùng họ với cha tôi nên tôi đã xin phép được thử AND với cha và kết quả trùng khớp: Nguyễn Tuấn Đ có quan hệ huyết thống bố - con với Trần Cao Tuấn A, độ tin cậy > 99,9999%.

Như vậy, tôi yêu cầu Tòa án xác định ông Nguyễn Tuấn Đ là cha ruột của tôi để làm các thủ tục pháp lý khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên họp:

Về việc tuân thủ theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự cũng chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 363, Điều 365 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật hôn nhân gia đình và Điều 14 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ để chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tuấn Đ về việc yêu cầu xác định ông Nguyễn Tuấn Đ là cha của ông Trần Cao Tuấn A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1973; Cư trú tại: Khu phố 07, phường Đ Long, Tp. Phan Thiết có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân

thành phố Phan Thiết xác định ông Nguyễn Tuấn Đ – sinh năm 1973 là cha của cháu Trần Cao Tuấn A, sinh ngày 12/11/1998. Căn cứ khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là việc dân sự “Yêu cầu xác định cha cho con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Về nội dung yêu cầu của đương sự:

[2.1] Xét nội dung yêu cầu của ông Nguyễn Tuấn Đ thấy rằng: Ông Nguyễn Tuấn Đ yêu cầu xác định ông là cha của cháu Trần Cao Tuấn A là phù hợp theo Điều 14 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch, quy định chứng cứ để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con theo quy định tại khoản 1 Điều 25 và khoản 1 Điều 44 của Luật hộ tịch gồm một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây:

1. Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.

2. Trường hợp không có văn bản quy định tại khoản 1 Điều này thì phải có thư từ, phim ảnh, băng, đĩa, đồ dùng, vật dụng khác chứng minh mối quan hệ cha con, quan hệ mẹ con và văn bản cam đoan của cha, mẹ về việc trẻ em là con chung của hai người, có ít nhất hai người thân thích của cha, mẹ làm chứng.

[2.2] Tại bản tự khai ông Nguyễn Tuấn Đức, bà Cao Thị Vĩnh N và Trần Cao Tuấn A đều xác định:

Ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Cao Thị Vĩnh N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng đến năm 2007 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ Long, thành phố Phan Thiết theo giấy chứng nhận kết hôn số 82/2007; Quyền số 01 ngày 06/6/2007. Trong quá trình chung sống đến năm 1998 thì sinh con Trần Cao Tuấn A, sinh ngày 12/11/1998. Khi sinh cháu Trần Cao Tuấn A thì giữa ông Đ và bà N xảy ra mâu thuẫn, ông Đ về Hà Nội sinh sống và bà N tự ý đặt tên cho con chung của hai người là Trần Cao Tuấn A và cha là Trần Tiên T – sinh năm 1972. Đến năm 2004, ông Đ vào lại Bình Thuận và sinh sống cùng bà N và biết tên của con nhưng do kinh tế khó khăn nên ông Đ không có điều kiện để xin xác định cho con. Ngày 18/5/2022 ông Đ đã làm xét nghiệm AND và cho kết quả như sau: Nguyễn Tuấn Đ có quan hệ huyết thống bố - con với Trần Cao Tuấn A, độ tin cậy > 99,9999%.

Căn cứ kết quả xét nghiệm AND ngày 18/5/2022 của Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ GENPLUS xác định “ NGUYỄN TUẤN Đ **CÓ** quan hệ huyết thống bố - con với TRẦN CAO TUẤN A, độ tin cậy >99,9999%”. Như vậy, kết luận giám định AND giữa ông Nguyễn Tuấn Đ và cháu Trần Cao Tuấn A phù hợp với lời khai của các đương sự, có căn cứ theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tuấn Đ về việc xác định ông Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1973, nơi cư trú khu phố 07, phường Đ Long, Tp. Phan Thiết là cha của cháu Trần Cao Tuấn A, sinh ngày 12/11/1998.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 149, Điều 150 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Ông Nguyễn Tuấn Đ nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 67, Điều 149, Điều 150, Điều 361, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 362; Điều 367 và Điều 369 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 25 và Điều 44 Luật Hộ tịch; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình của ông Nguyễn Tuấn Đ:

Tuyên bố: Ông Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Khu phố 07, phường Đ Long, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận là cha của cháu Trần Cao Tuấn A, sinh ngày 12/11/1998.

- Lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 149, Điều 150 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Ông Nguyễn Tuấn Đ nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 (mười) ngày; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Tp PT;
- Lưu hồ sơ:

#### **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**(ĐÃ KÝ)**

**Đỗ Thị Yến Linh**